

Bản án số: 19/2025/DS - ST
Ngày: 29/9/2025
*V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Danh Quốc Khánh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Hữu Ái – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án TAND khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 78/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn 03, xã Tâm T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N (Nay là Thôn 03, xã Cư J, tỉnh Lâm Đ) - có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Nguyễn Xuân H, địa chỉ: Thôn An T, xã Tuy An B, tỉnh Đắk L hoặc ông Phạm Hùng V, địa chỉ: Thôn 03, xã Cư J, tỉnh Lâm Đ - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/7/2025) - ông Huy có mặt, ông Vĩ vắng mặt.

Bi đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 14, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N (Nay là Thôn 14, xã Nam D, tỉnh Lâm Đ) - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ông Phạm Thanh T là chủ đại lý vật tư thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm chuyên kinh doanh các sản phẩm vật tư nông nghiệp tại Thôn 03, xã Tâm T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N (Nay là Thôn 03, xã Cư J, tỉnh Lâm Đ). Nguyên trước đây ông T và ông Đ có quen biết nhau thông qua việc ông Đ thường xuyên mua bán cám và hàng hóa tại cửa

hàng của ông T. Qua nhiều lần mua hàng thì ông Đ xin ông T cho nợ lại tiền. Do tin tưởng ông Đ là người địa phương và cũng là khách hàng mua hàng lâu năm nên ông T đã đồng ý cho ông Đ nợ lại.

Mặc dù nợ đã rất lâu nhưng đến gần đây ông Đ mới xác nhận công nợ có nội dung thừa nhận việc nợ tiền mua cám của ông T số tiền 52.047.000 đồng (*giấy xác nhận công nợ ngày 25/03/2025*)

Tuy nhiên cho đến nay ông Đ vẫn chưa trả cho ông T bất cứ khoản tiền nào. Mặc dù, ông T đã nhiều lần liên hệ, gửi thông báo, yêu cầu trả tiền nhưng ông Đ vẫn cố tình tránh né, không thực hiện việc trả số tiền nợ trên cho ông T, không chịu phương án thương lượng, ông T đến nhà thì chửi đũa và thách thức ông T.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu:

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho ông Phạm Văn T tổng số tiền mua cám 52.047.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm tính trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 05/5/2025 đến khi trả hết toàn bộ số tiền trên.

Tuy nhiên sau khi ông T nộp đơn ra Tòa án, ông Đ đã trả cho ông T được 10.000.000 đồng trong số tiền nợ trên, nên hiện nay ông Đ chỉ còn nợ ông T số tiền mua cám là $52.047.000 - 10.000.000 = 42.047.000$ đồng.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/8/2025 ông Phạm Văn T chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền 42.047.000 đồng. Xin rút yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 42.047.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đúng quy định pháp luật nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do cũng như không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho ông Phạm Văn T số tiền nợ gốc mua cám là 42.047.000 đồng. Xin rút yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 42.047.000 đồng. Thời hạn trả: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của

pháp luật, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho ông Phạm Văn T số tiền nợ gốc mua cám là 42.047.000 đồng. Thời hạn trả: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chấp nhận việc nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 42.047.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ mua cám còn thiếu là 52.047.000 đồng và tiền lãi chậm trả, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 14, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N (Nay là Thôn 14, xã Nam D, tỉnh Lâm Đ), vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút (Nay là TAND khu vực 9 - Lâm Đồng) theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hình thức: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền nợ gốc mua cám là 42.047.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn xuất trình.

Nguyên đơn ông Phạm Văn T cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận công nợ có nội dung sau:

Bên chủ nợ (sau đây gọi là bên A)

Ông/bà: Phạm Văn T

CCCD số: 036067005936

Thường trú tại: Thôn 03, Tâm T, Cư J, Đắk N

Bên đang nợ (sau đây gọi là bên B)

Ông/bà: Nguyễn Văn Đ

CCCD số: 036068004317

Thường trú tại: Thôn 14, Nam D, Cư J, Đắk N

Nội dung xác nhận công nợ:

Xuất phát từ việc Bên B mua cám (thức ăn gia súc) và vật tư chăn nuôi tính đến thời điểm hiện nay. Bên B xác nhận đang nợ Bên A số tiền: 52.047.000 đồng, bằng chữ: Năm mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng. Bên B phải trả toàn bộ số tiền trên ngay khi có yêu cầu của Bên A. Khoản nợ được xem đến hạn thanh toán kể từ thời điểm Bên A thông báo Bên B phải trả nợ.

Và ngày 09/5/2025 ông Phạm Thanh T đã gửi thông báo thực hiện thanh toán công nợ đến ông Nguyễn Văn Đ qua đường bưu điện.

HĐXX căn cứ vào Giấy xác nhận công nợ ngày 25/03/2025 cho thấy số tiền ông Đ còn nợ mua cám của ông T là 52.047.000 đồng, ngày 04/7/2025 ông Đ trả cho ông T 10.000.000 đồng, hiện nay ông Đ còn nợ ông T 52.047.000 đồng – 10.000.000 đồng = 42.047.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc mua cám là 42.047.000 là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi chậm trả 10%/năm tính trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 05/5/2025 đến khi trả hết toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi trên số tiền gốc 42.047.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[3.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ông T yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản hai bên phát sinh quan hệ nợ nần đã lâu, đến nay nhưng ông Đ vẫn chưa thanh toán là gây thiệt hại đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ông T nên yêu cầu của ông T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.102.000 đồng.

Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.301.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005528 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Phạm Văn T số tiền mua cầm còn nợ là 42.047.000 (*Bốn mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn*) đồng.

Thời hạn trả: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T cho đến khi thi hành xong, ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 42.047.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.102.000 (*Hai triệu một trăm lẻ hai nghìn*) đồng.

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.301.000 (*Một triệu ba trăm lẻ một nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005528 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cho ông Phạm Văn T.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

